

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2010 & TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2011



Thực hiện

Ngô Thanh Phát
Nguyễn Trường Thành
Phạm Công Sơn

*Trưởng phòng
Chuyên viên phân tích
Chuyên viên phân tích*

Khuyến cáo: Báo cáo này được Phòng Nghiên cứu và Phân tích CTCP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam thực hiện và đơn thuần chỉ dành cho mục đích tham khảo. Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam không chịu trách nhiệm với bất kỳ thiệt hại do việc sử dụng một phần hay toàn bộ nội dung của báo cáo này.

Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về: phanhich@vise.com.vn. Công ty CP Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam, tầng 3, 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CTCP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầng 3, 59 Quang Trung, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (04) 3944 5888

1. KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2010

Năm 2010, trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới vẫn chưa thực sự vượt qua khó khăn do tác động từ đợt suy thoái kinh tế toàn cầu, Việt Nam vẫn đảm bảo mức tăng trưởng kinh tế khá. So với nhiều quốc gia tại Đông Nam Á và Châu Á, Việt Nam được xem là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất hiện nay. Mục tiêu tăng trưởng GDP mà Quốc Hội thông qua hồi đầu năm là 6.5%, theo các con số mà Bộ Kế Hoạch & Đầu Tư công bố vào cuối tháng 12/2010 thì chỉ tiêu này đã đạt mức 6.78% trong năm 2010, vượt kế hoạch đã đề ra vào đầu năm.

Tuy vậy, bên cạnh mức tăng trưởng cao, năm 2010, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với khá nhiều khó khăn như như giá vàng tăng cao so với năm trước, thâm hụt cán cân thanh toán cao, thị trường giá cả có những biến động phức tạp, những đe dọa của lạm phát... Ngoài ra, do tác động từ nhiều yếu tố, mà trong đó quan trọng nhất là sự leo thang liên tục của giá vàng, biến động tỷ giá USD/VND, lãi suất cho vay ở mức cao khiến cho dòng tiền vào TTCK trong năm 2010 luôn ở thế yếu. Thực tế này đã làm cho các chỉ số chứng khoán tại Việt Nam liên tiếp biến động trong những biên độ khó lường.

1.1. Những thành tựu đạt được trong năm 2010

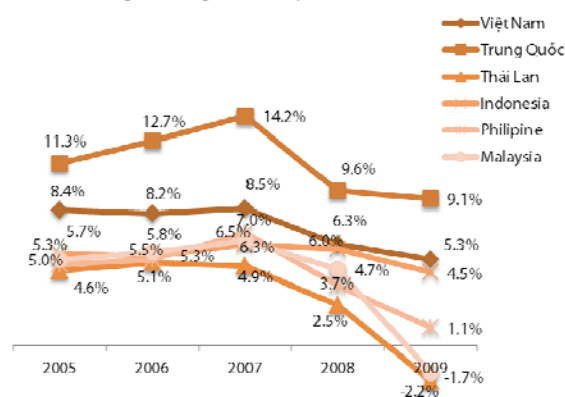
1.1.1. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh so với năm 2009

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 11/2010 theo giá so sánh 1994 ước tính tăng 14.3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 1994 ước tính đạt 717.1 nghìn tỷ đồng, tăng 13.8% so với cùng kỳ năm 2009, bao gồm khu vực kinh tế Nhà nước tăng 7.5%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng 14.5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 16.9% (dầu mỏ và khí đốt giảm 2.7%, các ngành khác tăng 19.4%).

Nếu xét theo nhóm sản phẩm, thì nhóm khí hóa lỏng là nhóm sản phẩm có mức tăng cao nhất (+93.6%), sơn hóa học (+28.5%) kế tiếp là sữa bột tăng 22.7%. Các nhóm sản phẩm có mức giảm mạnh nhất bao gồm Dầu mỏ thô khai thác (-11.5%), ti vi (-9.0%), dầu thực vật tinh luyện giảm (-1.8%).

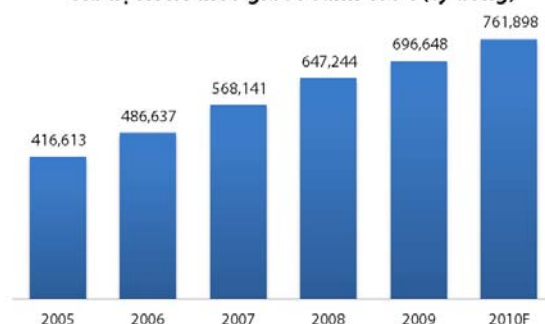
Bên cạnh mức tăng nhanh về giá trị sản xuất, giá trị tiêu thụ sản phẩm công nghiệp trong 10 tháng đầu năm 2010 cũng tăng khá mạnh so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tiêu thụ chung của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 11 tháng năm nay so với cùng kỳ năm 2009 tăng 10.8%, trong đó một số ngành sản xuất có chỉ số tiêu thụ tăng cao là: Đồ uống không cồn tăng 39.5%; các sản phẩm bơ, sữa tăng 32.8%; gạch, ngói và gốm, sứ không chịu lửa tăng 31.8%; các sản phẩm khác bằng kim loại tăng 24.6%... Nhìn chung, các nhóm sản phẩm như hàng tiêu dùng và vật liệu sản xuất là có mức tiêu thụ tăng mạnh so với cùng kỳ.

Tăng trưởng GDP thực (2005-2009)



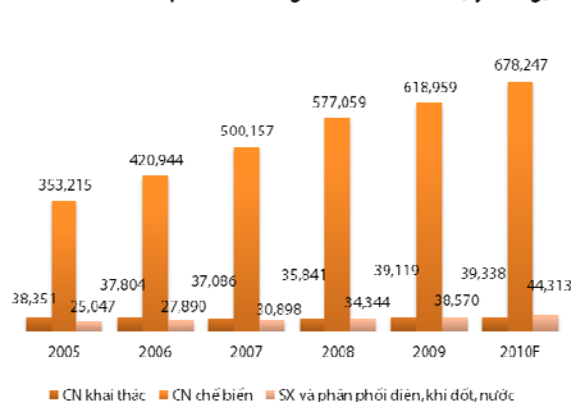
Nguồn: Tổng hợp từ worldbank.org

Giá trị SXCN theo giá so sánh 1994 (tỷ đồng)



Nguồn: Tổng hợp từ <http://www.gso.gov.vn>

Giá trị SXCN theo giá so sánh 1994 (tỷ đồng)



Nguồn: Tổng hợp từ <http://www.gso.gov.vn>

1.1.2. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ phục vụ tiêu dùng tăng mạnh

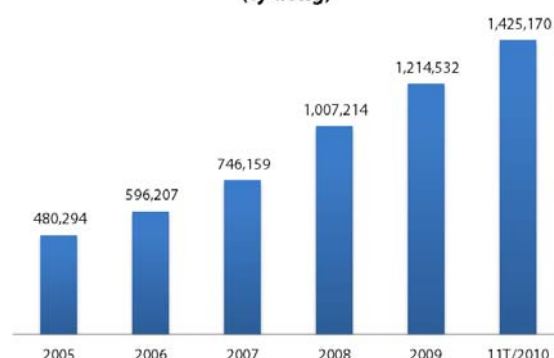
Bên cạnh sự tăng nhanh về giá trị sản xuất công nghiệp, lĩnh vực thương mại, dịch vụ và tiêu dùng bán lẻ cũng tạo nên nhiều đột phá lớn. Theo con số được Tổng cục Thống kê công bố, thì tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 11 tháng đầu năm 2010 ước tính đạt 1,425.2 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2009, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 14.7%. Trong đó, doanh thu từ lĩnh vực thương nghiệp đạt trên 1,121 nghìn tỷ đồng, tăng 17.7%, doanh thu từ khu vực khách sạn, nhà hàng đạt 157.5 nghìn tỷ đồng, tăng 15.1%, lĩnh vực còn lại là dịch vụ, du lịch đạt trên 145 nghìn tỷ đồng, tăng 16.9% so với chỉ tiêu này tính cho cả năm 2009.

1.1.3. Kim ngạch xuất khẩu được cải thiện.

Năm 2010, không ít nền kinh tế lớn trên thế giới vẫn nằm trong tình trạng khó khăn. Đặc biệt, cuộc khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia Châu Âu như Hy Lạp, Ailen đã ảnh hưởng đến khá nhiều nước khác trong khu vực đồng tiền chung Châu Âu như Tây Ban Nha, Bồ đào Nha... Hoa Kỳ, nền kinh tế hàng đầu thế giới vẫn chưa có chuyển biến tốt đẹp hơn sau suy thoái. Trước nỗi lo về kinh tế nước này tiếp tục trì trệ, Cục Dự Trữ Liên Bang Mỹ (FED) đã đưa ra gói kích cầu II trị giá 600 tỷ USD thông qua việc mua lại trái phiếu ngắn hạn trong vòng 8 tháng kéo dài đến năm 2011.

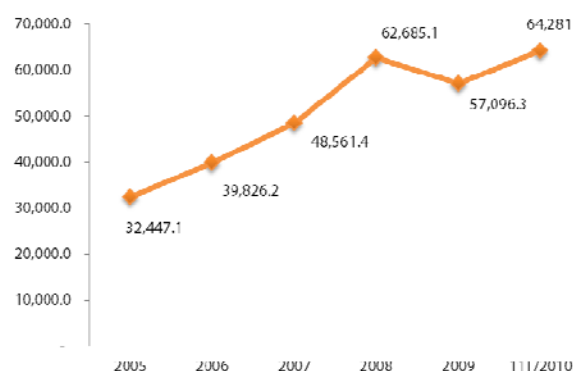
Trong bối cảnh khó khăn trên, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam không những giảm xuống mà trái lại đã được cải thiện mạnh mẽ. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2010, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 64.3 tỷ USD, tăng 24.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong các nhóm mặt hàng xuất khẩu, thì mặt hàng dệt may đạt 10 tỷ USD (+22.6%), giày dép đạt 4.5 tỷ USD (+25.3%), thủy sản đạt 4.5 tỷ USD (+16.3%), điện tử, máy tính đạt 3.2 tỷ USD, tăng 28.5% so với cùng kỳ năm 2009. Do Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã đi vào hoạt động, nên một phần dầu thô được cung cấp cho nhà máy này, do đó dẫn đến kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dầu thô trong năm 2010 đã giảm xuống mạnh, lũy kế 11 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm này chỉ đạt 4.5 tỷ USD, giảm 22.6% so với cùng kỳ năm trước (lượng giảm 42.2%).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, DV, tiêu dùng (tỷ đồng)

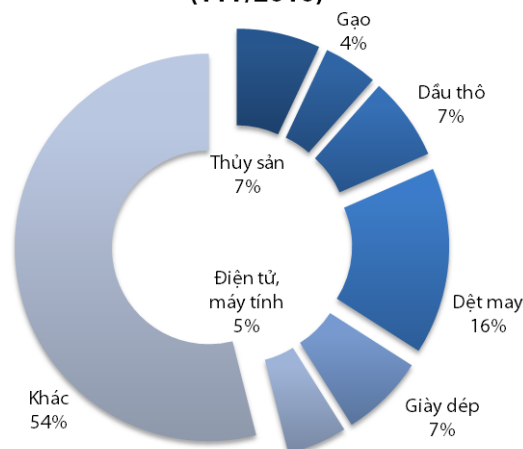


Nguồn: Tổng hợp từ <http://www.gso.gov.vn>

Giá trị xuất khẩu 2005-2010 (Tr. USD)



Cơ cấu kim ngạch xuất khẩu (11T/2010)



1.1.4. Tổng sản phẩm quốc nội tăng trưởng cao

Do các lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ tăng trưởng mạnh, đã góp phần làm cho tổng sản phẩm trong nước (GDP) trong năm 2010 tiếp tục tăng cao. Theo mục tiêu tăng trưởng GDP đã được Quốc Hội thông qua vào đầu năm 2010, Việt Nam phấn đấu đạt mức tăng trưởng là 6.5%. Theo số liệu đã được công bố, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2010 đạt 6.78%. Trong đó, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2.78%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.7%, khu vực dịch vụ tăng 7.52%. Tốc độ tăng trưởng này có xu hướng tăng lên mạnh vào quý III/2010 và quý IV/2010. Theo thống kê, GDP trong quý I/2010 tăng 5,84%, quý II/2010 tăng 6,44%, quý III/2010 tăng 7.18% và quý IV ước tăng 7.34% (theo các con số đã được Bộ KH&ĐT công bố ngày 29/12/2010) so với cùng kỳ năm 2009. Với đà phục hồi mạnh đang diễn ra ở một số ngành, cùng với khả năng tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tăng lên mạnh vào các tháng cuối năm, nên khả năng chỉ tiêu GDP năm 2010 của Việt Nam sẽ vượt con số 6.7% là khá cao.



Dựa trên sự phân tích về các số liệu đã được công bố, chúng tôi đánh giá khá cao về những thành tựu mà nền kinh tế Việt Nam đã đạt được trong năm 2010. Nếu so với nhiều quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, thì Việt Nam được xem là quốc gia đi đầu về chỉ tiêu tăng trưởng hiện nay.

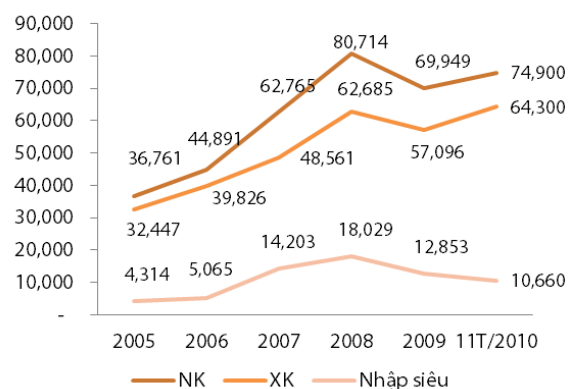
1.2. Một số hạn chế đằng sau con số tăng trưởng

1.2.1. Thâm hụt cán cân thanh toán cao

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2010 và dự kiến kế hoạch phát triển 2011, được Chính phủ công bố ngày 17/10/2010, thì cán cân thanh toán của Việt Nam thâm hụt khoảng 4 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là nhập siêu lớn và kéo dài trong nhiều năm đã làm cho nguồn dự trữ ngoại hối bị sụt giảm mạnh, làm cho nợ quốc gia tăng lên và tạo ra sức ép đối với đồng nội tệ. Tính chung 11 tháng đầu năm 2010, nhập siêu hàng hóa đạt 10.66 tỷ USD, giảm 2.5% so với mức nhập siêu của cùng kỳ năm trước và bằng 16.6% kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, nhiều mặt hàng có giá trị nhập siêu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu là nhóm hàng máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, trong đó máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 12.1 tỷ USD, tăng 7.6%; sắt thép đạt 5.6 tỷ USD, tăng 14.7%; vải đạt 4.8 tỷ USD, tăng 26.1%; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 4.6 tỷ USD, tăng 31.5%; chất dẻo đạt 3.4 tỷ USD, tăng 33%; nguyên, phụ liệu dệt may, giày dép đạt 2.4 tỷ USD, tăng 36.4%; kim loại thường đạt 2.3 tỷ USD, tăng 61.9%; hóa chất đạt 1.8 tỷ USD, tăng 25.3%.

Theo tiêu chí đánh giá của Quỹ tiền tệ Quốc Tế IMF, thì tỷ lệ thâm hụt cán cân thanh toán vãng lai nếu chiếm 8%/GDP là ảnh hưởng đến việc cân đối vĩ mô của một quốc gia. Tuy

**Nhập siêu giai đoạn 2005-2010
(Tr. USD)**



Nguồn: Tổng cục Thống Kê

nhien, theo các con số đã được công bố, thì cán cân thanh toán vãng lai năm 2010 của Việt Nam ước tính thâm hụt khoảng 10%/GDP. Thực trạng này cùng với thâm hụt ngân sách đang ở mức cao sẽ tạo ra những trở ngại lớn cho tiến trình phát triển kinh tế của Việt Nam trong vài năm tới.

1.2.2. Biến động và áp lực về tỷ giá

Năm 2010, thị trường tiền tệ Việt Nam đã chứng kiến sự biến động liên tục của tỷ giá USD/VND, ở một số thời điểm, tỷ giá USD/VND trên thị trường tự do đã tăng lên rất mạnh. Thực tế này đã tác động không nhỏ đến tâm lý, đời sống người dân đồng thời làm ảnh hưởng đến công tác sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, nhiều thành phần kinh tế.

Nguyên nhân sâu xa nằm ở việc Việt Nam sử dụng chế độ tỷ giá gần như cố định, việc duy trì chế độ này nhằm hỗ trợ cho các thành phần kinh tế thuộc khu vực Nhà nước. Tuy nhiên, cũng chính các đối tượng này lại có đặc thù là nhập khẩu lớn và sử dụng nợ của nước ngoài khá cao. Thực tế trên đã làm cho NHNN thường xuyên phải tác động vào thị trường ngoại hối nhằm duy trì tỷ giá. Những hành động này của NHNN đã làm cho dự trữ ngoại hối tự nó phát sinh những rủi ro lớn. Một nguyên nhân nữa không kém phần quan trọng là do Việt Nam cùng cho tồn tại song song vàng, tiền đồng và ngoại tệ mạnh. Trong khi đó, ngoại tệ mạnh và vàng lại là những kênh thu hút đầu tư không kém phần quan trọng. Chính vì thế, khi tỷ giá có xu hướng tăng lên trong bối cảnh nhiều kênh đầu tư khác đều khó khăn thì lập tức sẽ có sự dịch chuyển mạnh dòng tiền đầu cơ từ những kênh kém hấp dẫn sang kênh ngoại tệ. Đây là một trong những nguyên nhân khiến tỷ giá liên tục biến động mạnh thêm trong năm 2010.

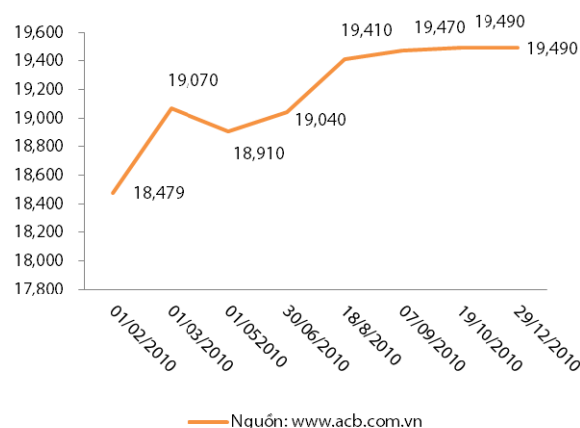
Ước tính 3 năm qua (2008-2010), đồng VND đã mất giá gần 30% so với USD. Mỗi khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do lớn và kéo dài, NHNN sẽ thực hiện chính sách điều chỉnh tỷ giá hoặc điều chỉnh biên độ giao dịch. Trong khoảng thời gian chưa đầy 2 năm, NHNN đã thực hiện 2 lần thay đổi mạnh giữa tỷ giá Việt Nam Đồng và USD. Lần thay đổi thứ nhất vào ngày 26/11/2009, tỷ lệ phá giá là 5,44%, đồng thời NHNN thu hẹp biên độ biên độ giao động của tỷ giá từ 5% xuống 3%. Lần thay đổi thứ hai, chỉ cách lần thứ nhất chưa đầy 2 tháng, vào ngày 11/2/2010 tỷ giá USD/VND tăng thêm 3.36%.

Nhìn chung, những đợt biến động của tỷ giá trong năm 2010 đã tác động không nhỏ đến các thành phần kinh tế, ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Có những thời điểm do sự biến động này đã làm dịch chuyển một phần các dòng vốn đầu tư, làm cho các dòng tiền đầu cơ từ các kênh khác như bất động sản, chứng khoán, hàng hóa... chuyển sang kênh đầu cơ ngoại tệ.

Chỉ số giá tháng 12 năm 2010 so với

Chỉ số	Kỳ gốc năm 2009	Tháng 12 năm 2009	Tháng 11 năm 2010	Đơn vị tính: %
				Năm 2010 so với năm 2009
Chỉ số giá vàng	185.38	130.00	105.43	136.72
Chỉ số giá USD	119.04	109.68	102.86	107.63

Biến động tỷ giá hối đoái



1.2.3. Giá vàng tăng vọt

Năm 2010, cả nước đã chứng kiến sự leo thang liên tục của giá vàng. Theo số liệu đã được công bố bởi Tổng cục Thống kê, chỉ số giá vàng năm 2010 so với năm 2009 là 136.72%. Tại ngày 31/12/2010, giá vàng tại Việt Nam đã tăng lên mức 36.06 triệu đồng/lượng. Con số trên đã cho thấy giá vàng trong năm 2010 đã leo thang như thế nào so với thời điểm đầu năm.

Không chỉ ở Việt Nam, mà ở bất kì quốc gia nào khác trên thế giới cũng thế, sự biến động của giá cả mặt hàng vàng sẽ tác động đến tâm lý của người dân cũng như làm dịch chuyển các dòng vốn đầu tư từ các kênh khác sang kênh vàng là rất lớn. Vì mỗi khi có cơn sốt vàng đồng nghĩa với nhiều người đang mất niềm tin vào hiện trạng kinh tế của một quốc gia hoặc một nhóm các quốc gia nào đó.

Do ảnh hưởng từ sự biến động này, có thời điểm, một lượng lớn tiền từ các kênh đầu tư như chứng khoán, bất động sản thậm chí cả dòng tiền tiết kiệm của dân cư tại các ngân hàng đã có xu hướng dịch chuyển mạnh sang thị trường vàng. Thực tế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự vận hành và hiệu quả của nhiều kênh đầu tư khác. Ngoài ra, do nhu cầu vàng vật chất trong nước tăng mạnh, buộc NHNN đã phải thực hiện động tác nhập khẩu vàng, điều này làm ảnh hưởng đến lượng dự trữ ngoại tệ vốn dĩ khá khiêm tốn của Việt Nam.

1.2.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài: Vốn thực hiện tăng nhưng vốn đăng ký giảm

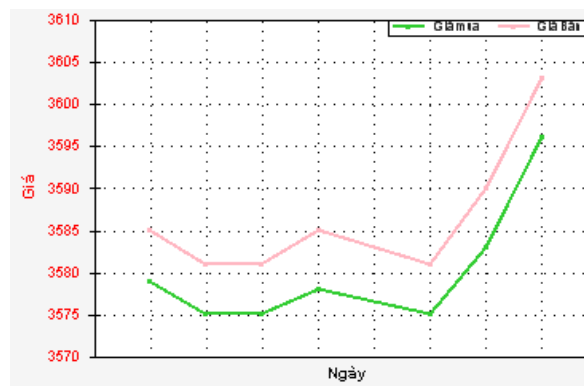
Cuộc khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia Châu Âu cùng những khó khăn còn tồn đọng sau cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu tại các quốc gia lớn, đã tác động không nhỏ đến dòng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam. Cụ thể, trong năm 2010, vốn FDI thực hiện của Việt Nam đạt 11,000 triệu USD, tăng 10% so với năm 2009. Tuy nhiên, vốn đăng ký (bao gồm cấp mới và tăng thêm) chỉ đạt 18,595 triệu USD, giảm 17.8% so với năm trước. Tương tự, số dự án cấp mới chỉ đạt 969 dự án, giảm 16.1%, số lượt dự án xin tăng vốn chỉ đạt 269 dự án, giảm 23.4% so với năm 2009.

1.2.5. Lạm phát ở mức cao

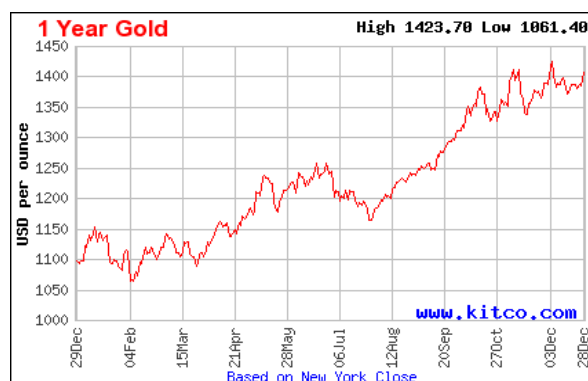
Đầu năm 2010, Quốc Hội đề ra mức kiểm soát lạm phát là 8%. Tuy nhiên, theo số liệu mà Tổng cục Thống kê công bố, mức tăng chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 12 là 1.98%, đưa tốc độ tăng cả năm lên 11.75%, vượt gần 4% so với chỉ tiêu mà Quốc Hội đã đề ra vào đầu năm.

Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh

Biểu đồ giá vàng Việt Nam



Biến động giá vàng Thế giới



Nguồn: giavang.com.vn

Đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2010

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	12 tháng năm 2009	12 tháng năm 2010
1	Vốn thực hiện	triệu USD	10,000	11,000
2	Vốn đăng ký	triệu USD	22,626	18,595
2.1.	Cấp mới	triệu USD	16,803	17,230
2.2.	Tăng thêm	triệu USD	5,823	1,366
3	Số dự án			
3.1.	Cấp mới	dự án	1,155	969
3.2.	Tăng vốn	lượt dự án	351	269
4	Xuất khẩu		1,506	1,238
4.1.	Kể cả dầu thô	triệu USD	30,373	38,829
4.2.	Không kể dầu thô	triệu USD	24,178	33,885
5	Nhập khẩu	triệu USD	26,067	36,478

Nguồn: Cục Đầu Tư Nước Ngoài

cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Như vậy, với con số này, đã đẩy Việt Nam đứng trước nguy cơ lạm phát tăng cao trong thời gian tới. So với nhiều quốc gia trong khu vực như Philippines, Thailand, Malaysia... thì Việt Nam hiện là quốc gia có tỷ lệ lạm phát khá cao.

1.2.6. Lãi suất cao, doanh nghiệp khó tiếp cận nguồn vốn

Tăng trưởng tín dụng trong năm 2010 ước đạt 29.81% (tín dụng VND tăng 25.3%, tín dụng ngoại tệ tăng 49.3%), vượt 4.8% so với mục tiêu tăng trưởng đã đề ra vào đầu năm.

Mặc dù lãi suất cho vay bình quân ở mức 15.27%, tuy nhiên, có những thời điểm trong năm lãi suất cho vay tăng vọt lên cao đã tác động lớn đến sự tiếp cận nguồn vốn vay của nhiều doanh nghiệp đồng thời làm tăng chi phí đầu vào của nhiều doanh nghiệp.

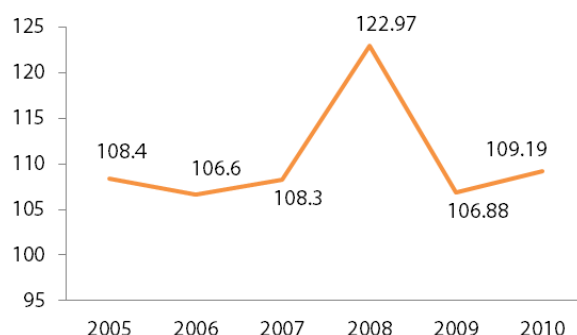
1.2.7. Thị trường chứng khoán biến động thất thường

Tính đến ngày 29/12/2010, tổng vốn hóa thị trường của 2 sàn chứng khoán niêm yết tại Việt Nam là 37,128 triệu USD, tương đương khoảng 38.62% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tính năm 2010.

Năm 2010, do tác động nhiều từ những bất ổn vĩ mô và khó khăn của nền kinh tế toàn cầu, dẫn đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán vẫn liên tục ở thế yếu.

Đóng cửa phiên giao dịch ngày 31/12/2010, chỉ số Vn-Index của sàn TP.HCM chốt ở mức 484.66 điểm, giảm 10.14 điểm, tương đương giảm 2%, HNX-Index chốt ở mức 114.24 điểm, giảm 53.93 điểm, tương đương mức giảm 32% so với thời điểm đầu năm 2010. Thanh khoản trung bình trên thị trường luôn ở mức khá thấp, tại sàn Hose, bình quân 1 phiên chỉ có 46.4 triệu đơn vị và 1,506 tỷ đồng chứng khoán được chuyển nhượng. Do tính chất của thị trường là nơi huy động vốn, chính vì những khó khăn trong năm 2010 đã làm ảnh hưởng đến việc huy động vốn của nhiều doanh nghiệp trên sàn.

CPI Việt Nam giai đoạn 2005-2010



Nguồn: Tổng cục Thống Kê

VNIndex

Dec 31, 2010 - Daily chart

(c) vise.com.vn



2. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2011

2.1. Tăng trưởng GDP

Theo Báo cáo của Bộ KH&ĐT đã trình Chính Phủ, cho rằng tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2011 có thể đạt mức từ 7-7.5% so với năm 2010. Cũng theo báo cáo này, các ngành kinh tế trọng điểm đều tăng mức đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế. Cụ thể, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản dự kiến sẽ tăng khoảng 2.8-3%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.5-8.2%; khu vực dịch vụ tăng 8.2-8.5%.

Số liệu tăng trưởng mà Bộ KH&ĐT đưa ra nhìn chung có phần lạc quan nhưng không phải là không có khả năng thực hiện. Dựa trên sự tăng trưởng và phát triển một số ngành như sản xuất công nghiệp, thủy sản, xây dựng, dịch vụ trong vài năm gần đây cho thấy mặc dù trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn khó khăn, nhưng các ngành này tại Việt Nam lại tăng trưởng mạnh, mang lại giá trị lớn trong GDP của Việt Nam. Qua đó, theo sự phân tích của chúng tôi, khả năng Việt Nam tiếp tục đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã đề ra trong năm 2011 là khá cao.

2.2. Bội chi ngân sách

Bộ KH&ĐT dự kiến, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2011 khoảng 612.1 nghìn tỷ đồng, tăng 16.7% so với ước thực hiện năm 2010 và bằng khoảng 26.7% GDP. Tổng chi ngân sách nhà nước dự kiến khoảng 735,000 tỷ đồng, tăng 17,5% so với thực hiện năm 2010, cao hơn so với mức tăng chi ngân sách tương ứng. Do đó, nếu tính cả phần chuyển nguồn từ năm 2010 sang năm 2011, dự kiến khoảng 22,000 tỷ đồng, bội chi ngân sách nhà nước năm 2011 vào khoảng 123.4 nghìn tỷ đồng, bằng khoảng 5.5% GDP (năm 2010 là 6%). Năm 2010, do phải tổ chức đại lễ lớn 1,000 năm Thăng Long, vì vậy các công tác chuẩn bị đã tạo ra không ít tổn kém. Tuy nhiên, năm 2011, trường hợp tương tự có thể sẽ không xảy ra, vì vậy mục tiêu hạ bội chi ngân sách trong năm này xuống còn 5.5% GDP là hợp lý.

2.3. Nhập siêu tiếp tục ở mức cao

Theo dự kiến của Bộ KH&ĐT, tổng kim ngạch xuất khẩu năm tới đạt khoảng 74.25 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2010; kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 88.8 tỷ USD, tăng tương ứng 9% và nhập siêu năm 2011 dự kiến khoảng 14.5 tỷ USD, bằng 19.6% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Theo dự báo trên, thì nhiều khả năng năm 2011 Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với tình trạng nhập siêu cao. Điều này sẽ tạo ra không ít khó khăn trong chính sách kiểm soát lạm phát đồng thời làm ảnh hưởng đến lượng dự trữ ngoại hối vốn dĩ còn khá khiêm tốn của Việt Nam. Như vậy, vấn đề lạm phát sẽ không phải chỉ là bài toán khó ở năm 2010 mà tiếp tục sẽ là vấn đề không dễ dàng được giải quyết triệt để khi mục tiêu tăng trưởng đặt ra cho năm này tương đối cao.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP 2010 VÀ 2011 CỦA CÁC QUỐC GIA KHU VỰC ĐÔNG Á

Khu vực/Quốc gia (%)	2008	2009	2010	2011
Đông Á	8.40	7.30	8.90	7.80
Trung Quốc	9.60	9.10	9.50	8.50
Indonesia	6.00	4.50	6.00	6.20
Malaysia	4.70	-1.70	7.40	4.80
Philippine	3.70	1.10	6.20	5.00
Thái Lan	2.50	-2.20	7.50	3.20
Việt Nam	6.30	5.30	6.50	7.0 -7.5
Campuchia	6.70	-2.00	4.90	6.00
Fiji	0.20	-3.00	1.00	1.40
Lào	7.50	6.70	7.70	7.80
Mogolia	8.90	-1.60	7.30	7.10
Papua NewGuinea	6.70	4.50	7.50	5.50
Solomon Islands	7.30	-2.20	3.40	5.20
Đông Á (trừ Trung Quốc)	4.60	1.20	6.70	5.10

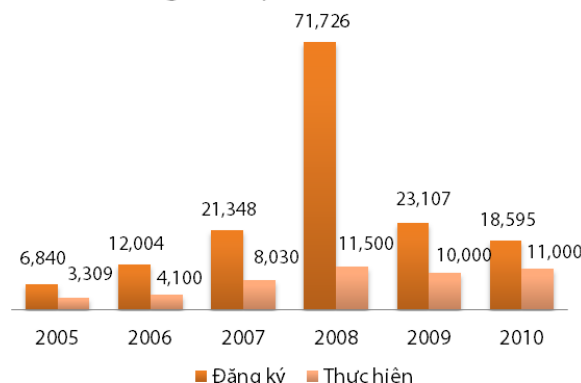


2.4. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Cũng theo báo cáo này, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dự kiến sẽ tăng 15.5% trong năm 2011, tương đương 198.6 nghìn tỷ đồng, chiếm 21,4% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

Dựa trên lượng vốn đầu tư đăng ký mới trong năm 2010 cho thấy có nhiều quan ngại về lượng vốn đầu tư cam kết cho Việt Nam trong tương lai. Vì bên cạnh những khó khăn còn chưa ngã ngũ của nền kinh tế thế giới, một số hạn chế về vĩ mô Việt Nam như biến động tỷ giá, nhập siêu cao, đe dọa của lạm phát đã và sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cũng như những quyết định của các nhà đầu tư nước ngoài trên thực tế. Tuy nhiên, so với nhiều quốc gia khác trong khu vực, thì Việt Nam có mức tăng trưởng cao và ổn định, là môi trường thích hợp để thu hút lượng vốn lớn của các Nhà đầu tư quốc tế. Do đó, dưới góc độ phân tích, chúng tôi cho rằng lượng FDI vào Việt Nam sẽ tiếp tục tăng lên mạnh trong năm 2011.

**FDI vào Việt Nam (Tr. USD)
giai đoạn 2005-2010**



2.5. Áp lực về tỷ giá và lạm phát.

Sự mất giá của VND đã làm cho NHNN phải thực hiện liên tiếp 2 lần thay đổi tỷ giá trong vòng chưa đầy 2 năm qua. Đồng thời trong năm 2010 thị trường tiền tệ đã chứng kiến sự biến động thất thường của tỷ giá USD/VND ở nhiều thời điểm khác nhau. Theo kế hoạch, nhập siêu trong năm 2011 tiếp tục tăng lên, trong khi nguồn dự trữ ngoại tệ của Việt Nam vẫn còn ở mức thấp, mà lượng USD từ FDI dự báo tăng lên không nhiều, vì thế có nhiều yếu tố để củng cố cho quan ngại của chúng tôi về áp lực tỷ giá sẽ tiếp tục tăng lên mạnh trong năm 2011.

Ngoài ra, do xu hướng tăng lên của nhập siêu, áp lực về tỷ giá do sự mất giá của VND, giá vàng vẫn có xu hướng đi lên sẽ dẫn đến nguy cơ lạm phát tăng lên cao, đây chính là bài toán khó cho những Nhà điều hành và thực thi chính sách tại Việt Nam.

3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2011

3.1. TTCK Việt Nam những tháng cuối năm 2010

Năm 2010, do tác động từ những khó khăn trong nước và quốc tế, đặc biệt là sự biến động mạnh của giá vàng thế giới kéo theo sự leo thang của giá vàng trong nước, tỷ giá USD/VND biến động mạnh, lãi suất cho vay cao... đã làm cho dòng tiền vào thị trường chứng khoán luôn ở mức thấp.

Tại sàn TP.HCM, bình quân 01 phiên chỉ có 46.4 triệu đơn vị và 1,506 tỷ đồng chứng khoán được chuyển nhượng. Tính chung cả 2 sàn niêm yết, bình quân một phiên có 81.5 triệu đơn vị và 2,478 tỷ đồng chứng khoán được chuyển nhượng.

Trong năm 2010, thị trường diễn biến theo hướng có lợi cho những người tham gia chỉ rơi vào tháng 3 và tháng 4 đầu năm, sau đó thị trường tiếp tục giao dịch trầm lắng kéo dài, xu hướng tích cực chỉ trở lại ở 2 tháng cuối năm 2010.

Trong khi dòng tiền nội vào ra thị trường khá thất thường thì Nhà đầu nước ngoài vẫn liên tục bám trụ thị trường. Chỉ tính riêng tại sàn Hose, NĐT nước ngoài đã mua ròng liên tục từ đầu năm 2010 đến nay. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 29/12/2010, tại sàn TP.HCM, khối ngoại đã mua vào trên 266 triệu đơn vị chứng khoán tương ứng với giá trị mua ròng đạt 15,521 tỷ đồng, cao gấp 7.7 lần về lượng và 5.7 lần về giá trị so với năm 2009. Qua đó cho thấy khối ngoại đã chọn thời điểm khi mà nhiều yếu tố xấu và tốt của nền kinh tế đan xen sau suy thoái để giải ngân mạnh.

Bắt đầu từ giữa tháng 11/2010, dòng tiền vào thị trường có xu hướng cải thiện hơn. Các nhóm cổ phiếu thuộc ngành ngân hàng, bất động sản..., sau thời gian trầm lắng đã thu hút mạnh sự tham gia của dòng tiền đầu cơ trở lại. Sự khởi sắc này đã giúp 2 chỉ số VN-Index và HNX-Index phục hồi đáng kể. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 31/12/2010, Vn-Index chốt ở mức 484.66 điểm, tăng 58.46 điểm (+13.73%), HNX-Index chốt ở mức 114.24 điểm, tăng 16.34 điểm (+16.69%) so với chốt phiên giao dịch ngày 22/11/2010.

Mặc dù có sự phục hồi vào tháng cuối năm, nhưng mặt bằng giá chung của nhiều cổ phiếu trên sàn vẫn còn ở mức thấp. Tại sàn Hose, mức P/E của toàn sàn chỉ dao động trong khoảng 11.6-11.8 lần, tại sàn Hà Nội, mức P/E chỉ dao động trong khoảng từ 10.6-10.8 lần.

3.2. Các yếu tố tác động và xu hướng của TTCK Việt Nam năm 2011

3.2.1. Tăng trưởng kinh tế

Mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong năm 2011 từ 7-7.5%, với mức tăng trưởng cao này sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của TTCK.



3.2.2. Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài

Năm 2007, TTCK Việt Nam có khoảng 11-12 tỷ USD vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã tác động mạnh đến nền kinh tế của nhiều quốc gia lớn. Do ảnh hưởng của sự suy thoái này đã làm cho TTCK Việt Nam bị suy giảm mạnh, nhiều định chế tài chính, quỹ đầu tư gặp thua lỗ nặng, khiến dòng vốn này chảy dần ra khỏi Việt Nam. Tính đến thời điểm cuối năm 2010, lượng vốn này chỉ còn khoảng 7 tỷ USD, giảm khoảng 40% so với thời điểm năm 2007.

Cùng với xu hướng phục hồi của kinh tế thế giới và mức tăng trưởng ổn định của Việt Nam, cuối năm 2010, nhiều quỹ đầu tư lớn trên thế giới đã tiếp xúc, khảo sát, tiếp cận môi trường đầu tư tại Việt Nam. Diễn biến này cho thấy khả năng lượng tiền đầu tư gián tiếp sẽ rót mạnh vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

3.2.3. Áp lực cung hàng lên thị trường

Năm 2010, nhiều doanh nghiệp niêm yết có kế hoạch tăng vốn bằng cách phát hành thêm, chia cổ tức bằng cổ phiếu.. Tuy nhiên, do dòng tiền vào thị trường luôn ở thể yếu, dẫn đến một số doanh nghiệp đã lùi kế hoạch phát hành lại năm 2011. Do đó, năm 2011, thị trường sẽ tiếp tục chịu áp lực về nguồn cung hàng do các doanh nghiệp niêm yết hoãn tăng vốn trong năm 2010 đã chuyển sang năm 2011, các doanh nghiệp đang niêm yết khác có nhu cầu tăng vốn, tiến trình IPO của nhiều doanh nghiệp lớn khác.

3.2.4. Áp lực tăng vốn điều lệ của các ngân hàng

Năm 2010, tâm lý NĐT trên TTCK đã bị tác động mạnh bởi yêu cầu tăng vốn điều lệ của các ngân hàng lên 3,000 tỷ đồng. Chính quyết định này đã tạo ra không ít khó khăn cũng như gây nên sự quan ngại của nhiều NĐT về dòng tiền vào chứng khoán. Tuy nhiên, sau đó Chính Phủ đã chấp thuận gia hạn tăng vốn cho các TCTD đến 31/12/2011. Quyết định này đã giảm bớt lo lắng của các NĐT về khả năng suy giảm của dòng tiền trên thị trường trong ngắn hạn. Tuy nhiên, áp lực trên lại được chuyển sang cho năm 2011, nghĩa là tâm lý NĐT trên TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục bị đè nặng bởi yêu cầu tăng vốn điều lệ của các ngân hàng. Việc tăng vốn điều lệ là nhằm nâng cao năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng, nó có giá trị tích cực về mặt dài hạn cho hệ thống các ngân hàng của một quốc gia. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, quyết định này sẽ tạo nên những căng thẳng về mặt tiền tệ, đặc biệt là ảnh hưởng đến dòng tiền vào một số kênh đầu tư, trong đó có thị trường chứng khoán.



3.2.5. Áp lực tỷ giá, giá vàng, lạm phát và lãi suất.

Năm 2010, TTCK Việt Nam gặp nhiều khó khăn chủ yếu do sự biến động mạnh của tỷ giá, sự leo thang của giá vàng và lãi suất ở mức cao, khiến dòng tiền vào thị trường thay đổi thất thường.

Theo kế hoạch của Bộ KH&ĐT, giá trị nhập siêu trong năm 2011 dự kiến sẽ tiếp tục tăng lên mạnh, trong khi lượng FDI vào Việt Nam mặc dù dự kiến tăng lên nhưng thực tế vào thời điểm cuối năm 2010 cho thấy lượng tiền này vẫn chưa có gì đột phá. Do đó, khả năng dự trữ ngoại hối Việt Nam sẽ tiếp tục bị tác động mạnh bởi nhập siêu cao là hoàn toàn có thể xảy ra. Chính vì vậy, áp lực về mặt tỷ giá, lạm phát sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng nhất định lên TTCK.

Bên cạnh đó, lãi suất cho vay trong năm 2010 mặc dù bình quân ở mức thấp nhưng có những thời điểm trong năm do sự tác động của nhiều yếu tố của nền kinh tế đã đẩy mức lãi suất này lên cao. Điều này làm cho nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận với nguồn vốn vay đồng thời làm tác động mạnh đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán trong năm 2010. Tăng trưởng tín dụng cả năm vượt kế hoạch đề ra, nhưng đối tượng sử dụng lượng tiền này lại chủ yếu tập trung ở khu vực nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan đến nông nghiệp, chính vì vậy làm cho dòng tiền vào thị trường chứng khoán không được tiến triển đáng kể. Năm 2011, nếu thực tiễn trên lại tiếp tục diễn ra sẽ là một hạn chế lớn cho sự đi lên của TTCK.



3.2.6. Xu hướng TTCK Việt Nam năm 2011

Dựa trên sự phân tích những yếu tố tác động đến TTCK Việt Nam năm 2011. Chúng tôi cho rằng TTCK Việt Nam sẽ diễn biến tích cực hơn năm 2010. Theo đó, diễn biến của thị trường có thể sẽ xảy ra theo kịch bản sau:

Giai đoạn I: Bắt đầu từ tháng 1/2011 đến cuối tháng 4/2011

Thị trường sẽ chuyển biến tích cực theo chiều hướng thanh khoản tăng dần. Tuy nhiên, ở thời gian đoạn này, dòng vốn FII vào thị trường vẫn còn hạn chế, do đó thị trường không có sự bứt phá mạnh về mặt điểm số. Kết thúc giai đoạn này, chỉ số Vn-Index của sàn TP.HCM nhiều khả năng sẽ đạt đến mốc 545 điểm (+/-15 điểm), HNX-Index của sàn Hà Nội có thể vượt đến mốc 135 điểm (+/-5 điểm).

Giai đoạn II: Bắt đầu từ đầu tháng 5/2011 cho đến cuối tháng 12/2011

Đây là giai đoạn mà dòng vốn FII dự kiến bắt đầu vào mạnh, do đó, dòng vốn này kết hợp với dòng vốn của các nhà đầu cơ trong nước sẽ làm cho thị trường trở nên sôi động và tăng lên mạnh. Theo đó, kết thúc giai đoạn này, nhiều khả năng chỉ số VN-Index của sàn TP.HCM sẽ đạt mốc 650 điểm (+/- 20 điểm) và HNX-Index sẽ đạt mốc 165 điểm (+/-15 điểm).

Kịch bản trên được Chúng tôi xây dựng dựa trên những giả định về áp lực tỷ giá, lạm phát, lãi suất được Chính Phủ ngăn chặn và giải quyết ổn thỏa đồng thời kinh tế thế giới không có nhiều biến động lớn trong năm này. Vì thế, nếu các yếu tố trên không được ngăn chặn kịp thời, gây ra bất ổn cho kinh tế vĩ mô, đồng thời nền kinh tế một số quốc gia lớn gặp nhiều biến động thì dòng tiền vào thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ vẫn không có gì đột phá.



4. PHỤ LỤC (THAM KHẢO)

Các chỉ số ngành tại sàn TP.HCM

Cấp 1	Cấp 2	Mã ngành	Số công ty	GT vốn hóa (Tỷ đồng)	% Giá trị vốn hóa	P/E	P/B	ROA 09	ROA 4 quý	ROE 09	ROE 4 quý	% tăng trưởng DT 09	% tăng trưởng DT 08
HÀNG TIÊU DÙNG		3000	62	64,725	11.3%	7.80	1.94	11.48%	13.4%	22.1%	26.1%	49.6%	20.9%
	Thực phẩm	3500	37	52,365	9.1%	7.66	2.15	12.42%	16.1%	22.0%	29.0%	25.0%	25.9%
	Hàng gia dụng và Đồ dùng Cá nhân	3700	20	7,795	1.4%	9.33	1.16	5.04%	5.6%	12.2%	14.0%	118.8%	-2.0%
	Ô tô và Phụ tùng	3300	5	4,565	0.8%	7.20	1.93	24.78%	14.6%	50.7%	28.7%	240.5%	17.2%
TÀI CHÍNH		8000	50	312,333	54.4%	14.36	2.29	2.35%	2.5%	23.4%	21.9%	185.1%	79.5%
	Ngân hàng	8300	4	117,903	20.5%	11.93	1.91	1.44%	1.5%	24.2%	21.1%	421.7%	79.9%
	Bất động sản	8600	34	115,391	20.1%	13.75	2.60	9.32%	10.2%	24.7%	26.3%	200.8%	31.7%
	Bảo hiểm	8500	2	45,130	7.9%	37.06	3.60	3.21%	3.2%	11.1%	11.3%	-19.3%	649.3%
	Dịch vụ tài chính	8700	5	31,738	5.5%	14.02	1.83	2.53%	2.7%	32.3%	22.8%	58.6%	-9.1%
	Các công cụ đầu tư	8900	5	2,172	0.4%								
CÔNG NGHIỆP		2000	86	80,588	14.0%	13.62	1.77	5.52%	5.9%	14.0%	15.1%	47.2%	19.1%
	Dịch vụ & Hàng công nghiệp	2700	41	55,131	9.6%	16.52	1.95	5.65%	6.2%	12.8%	13.9%	42.4%	20.8%
	Xây dựng và Vật liệu xây dựng	2300	45	25,457	4.4%	9.87	1.46	5.34%	5.5%	16.3%	17.3%	51.7%	17.5%
DỊCH VỤ TIÊU DÙNG		5000	18	16,046	2.8%	14.85	1.95	4.59%	5.0%	13.4%	14.3%	52.7%	50.9%
	Bán lẻ	5300	12	6,236	1.1%	8.63	1.34	6.81%	6.5%	16.5%	16.0%	53.4%	52.0%
	Du lịch và Giải trí	5700	6	9,810	1.7%	27.41	2.75	2.43%	3.4%	8.9%	11.8%	43.2%	38.6%
CÔNG ÍCH		7000	17	12,963	2.3%	8.18	1.00	9.07%	6.3%	19.2%	13.3%	64.0%	15.7%
	Công ích	7500	17	12,963	2.3%	8.18	1.00	9.07%	6.3%	19.2%	13.3%	64.0%	15.7%
NGUYÊN LIỆU CƠ BẢN		1000	27	51,999	9.1%	7.56	2.04	20.64%	18.4%	37.6%	35.4%	83.4%	23.0%
	Tài nguyên cơ bản	1700	16	26,951	4.7%	6.82	1.80	22.89%	17.0%	53.8%	41.4%	117.8%	12.4%
	Hóa chất	1300	11	25,048	4.4%	8.56	2.39	17.59%	20.8%	24.5%	29.5%	30.2%	44.1%
Y TẾ		4000	10	7,967	1.4%	6.95	1.64	12.72%	14.1%	29.4%	32.8%	170.5%	24.3%
	Y tế	4500	10	7,967	1.4%	6.95	1.64	12.72%	14.1%	29.4%	32.8%	170.5%	24.3%
CÔNG NGHỆ		9000	6	16,127	2.8%	7.99	2.69	11.50%	12.3%	37.7%	38.8%	32.8%	20.8%
	Công nghệ	9500	6	16,127	2.8%	7.99	2.69	11.50%	12.3%	37.7%	38.8%	32.8%	20.8%
DẦU KHÍ		0001	3	11,506	2.0%	15.65	2.27	6.68%	5.8%	20.3%	18.9%	29.2%	36.2%
	Dầu Khí	0500	3	11,506	2.0%	15.65	2.27	6.68%	5.8%	20.3%	18.9%	29.2%	36.2%
Toàn thị trường			279	574,255	100.0%	11.62	2.07	3.99%	4.3%	22.5%	22.3%	74.8%	29.6%

Các chỉ số ngành tại sàn HÀ NỘI

Cấp 1	Cấp 2	Mã ngành	Số công ty	GT vốn hóa (Tỷ đồng)	% Giá trị vốn hóa	P/E	P/B	ROA 09	ROA 4 quý	ROE 09	ROE 4 quý	% tăng trưởng DT 09	% tăng trưởng DT 08
HÀNG TIÊU DÙNG		3000	30	4,050	3.2%	7.26	1.30	7.89%	8.9%	20.6%	23.3%	26.3%	86.1%
	Thực phẩm	3500	16	2,582	2.0%	7.37	1.32	6.35%	8.2%	15.6%	20.3%	18.6%	97.4%
	Hàng gia dụng và Đồ dùng Cá nhân	3700	12	1,300	1.0%	6.83	1.29	12.8%	11.4%	41.6%	36.6%	58.0%	47.1%
	Ô tô và Phụ tùng	3300	2	169	0.1%	9.66	1.10	4.03%	5.1%	9.3%	11.8%	30.4%	139.6%
TÀI CHÍNH		8000	46	65,843	51.5%	14.66	1.72	2.03%	1.7%	24.9%	18.0%	24.3%	67.7%
	Ngân hàng	8300	4	28,819	22.6%	11.44	2.03	1.29%	1.3%	20.1%	20.1%	-9.9%	130.3%
	Bất động sản	8600	17	17,353	13.6%	31.55	2.59	1.59%	1.6%	16.5%	16.6%	45.5%	31.0%
	Bảo hiểm	8500	3	4,719	3.7%	10.24	0.84	4.38%	4.8%	8.9%	9.3%	38.7%	54.5%
	Dịch vụ tài chính	8700	22	14,954	11.7%	15.55	1.27	16.0%	7.2%		25.6%	459.3%	-24.5%
CÔNG NGHIỆP		2000	190	33,251	26.0%	8.36	1.34	5.25%	5.4%	18.9%	19.5%	73.9%	48.7%
	Dịch vụ & Hàng công nghiệp	2700	53	5,930	4.6%	7.87	1.17	3.33%	6.0%	9.1%	16.3%	73.8%	48.3%
	Xây dựng và Vật liệu xây dựng	2300	137	27,321	21.4%	8.48	1.38	5.62%	5.2%	21.6%	20.3%	73.9%	48.8%
DỊCH VỤ TIÊU DÙNG		5000	38	4,289	3.4%	6.35	1.26	10.2%	11.1%	22.4%	24.8%	76.0%	20.4%
	Bán lẻ	5300	6	2,063	1.6%	4.77	1.56	14.1%	15.2%	34.8%	39.2%	56.1%	21.7%
	Truyền thông đại chúng	5500	21	769	0.6%	6.41	0.82	9.01%	8.3%	15.8%	14.3%	135.7%	7.3%
	Du lịch và Giải trí	5700	11	1,457	1.1%	11.87	1.28	3.96%	4.9%	9.3%	11.6%	238.0%	37.2%
CÔNG ÍCH		7000	9	1,804	1.4%	4.16	1.18	5.56%	9.7%	17.2%	31.0%	27.7%	133.1%
	Công ích	7500	9	1,804	1.4%	4.16	1.18	5.56%	9.7%	17.2%	31.0%	27.7%	133.1%
NGUYÊN LIỆU CƠ BẢN		1000	24	12,114	9.5%	15.41	2.92	8.97%	8.1%	25.4%	23.5%	41.4%	88.8%
	Tài nguyên cơ bản	1700	22	11,975	9.4%	15.55	2.98	9.06%	8.1%	25.9%	24.0%	38.9%	88.8%
	Hóa chất	1300	2	139	0.1%	8.44	1.03	6.15%	5.6%	13.4%	12.4%		
Y TẾ		4000	7	523	0.4%	6.90	1.45	8.39%	10.1%	19.4%	22.4%	133.3%	12.8%
	Y tế	4500	7	523	0.4%	6.90	1.45	8.39%	10.1%	19.4%	22.4%	133.3%	12.8%
CÔNG NGHỆ		9000	14	1,088	0.9%	10.00	1.08	7.48%	5.8%	15.7%	12.1%	118.3%	-30.7%
	Công nghệ	9500	14	1,088	0.9%	10.00	1.08	7.48%	5.8%	15.7%	12.1%	118.3%	-30.7%
DẦU KHÍ		0001	4	4,801	3.8%	5.64	1.19	4.84%	5.6%	16.4%	22.5%	24.0%	49.0%
	Dầu Khí	0500	4	4,801	3.8%	5.64	1.19	4.84%	5.6%	16.4%	22.5%	24.0%	49.0%
Toàn thị trường			362	127,764	100.0%	10.68	1.58	3.21%	3.2%	21.6%	19.9%	47.7%	57.9%